

THÔNG TIN TỔNG HỢP

Tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH TRONG TỈNH

1. Kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2023
2. Sau 3 năm thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV văn hóa - xã hội nhiều chuyên biến tích cực

II. TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC

1. Một số kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội thời gian qua
2. Một số kết quả thực hiện chính sách việc làm, thu nhập cho người dân
3. Quy định số 131-QĐ/TW: quyết liệt bảo vệ nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

III. TÌNH HÌNH THẾ GIỚI

Bảy mươi lăm năm Tuyên ngôn thế giới về quyền con người: Thành tựu và thách thức

NỘI DUNG

I. TÌNH HÌNH TRONG TỈNH

1. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023

Năm 2023 là năm bản lề, có ý nghĩa quan trọng, tạo tiền đề hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh có những thuận lợi về tình hình thời tiết, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phát huy hiệu quả, kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi mới hoàn thành phát huy hiệu quả; khí thế, niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh về những thành tựu nổi bật của tỉnh qua nửa đầu nhiệm kỳ 2020-2025... Tuy nhiên, nổi lên một số khó khăn, thách thức như tình hình kinh tế thế giới phục hồi chậm, khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp còn hạn chế, cơ chế, chính sách phát triển năng lượng chậm ban hành, tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn... Trước tình hình đó, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp, các ngành, địa phương đã bám sát chỉ đạo của Trung ương, tranh thủ được thời cơ, thuận lợi, chủ động, sáng tạo, đổi mới, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp; cùng sự đoàn kết, trách nhiệm, nỗ lực của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp nên đã thực hiện đạt được những kết quả tích cực trên các lĩnh vực, cụ thể:

* **Nông, lâm nghiệp và thủy sản:** Giá trị gia tăng toàn ngành đạt 7.007 tỷ đồng, tăng 4,57% so cùng kỳ (kế hoạch tăng 4-5%). Sản xuất nông nghiệp tăng cả về sản lượng, năng suất và giá tiêu thụ; cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao đối với các sản phẩm đặc thù thích ứng với biến đổi khí hậu đạt kết quả tích cực; chuyển đổi cơ cấu cây trồng đạt hiệu quả, bền vững vượt 28,4% kế hoạch; nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, các

liên kết chuỗi giá trị, phát triển cánh đồng lớn đạt kết quả tích cực; công nhận 03 vùng nông nghiệp công nghệ cao và cấp 19 mã vùng trồng, với 202,43 ha; giá trị sản xuất bình quân 143,8 triệu đồng/ha đất sản xuất, cao hơn 05 triệu đồng/ha so cùng kỳ; giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao bình quân 938 triệu đồng/ha, vượt 34% kế hoạch; diện tích sản xuất chủ động tưới đạt 62,38% (kế hoạch 62,4%). Chăn nuôi phát triển theo hướng an toàn sinh học, hiệu quả cao. Công tác phòng, chống dịch trên cây trồng, vật nuôi được kiểm soát chặt chẽ. Công tác phát triển rừng thực hiện đạt kế hoạch; chăm sóc, trồng, bảo vệ và phòng, chống cháy rừng được chỉ đạo quyết liệt, số vụ vi phạm giảm. Công tác phát triển thủy sản và đẩy mạnh cơ cấu lại nghề khai thác hải sản được tập trung chỉ đạo; năng lực tàu cá tăng lên; hình thành đội tàu cá đủ điều kiện khai thác vùng biển xa; sản lượng khai thác đạt khá, tăng 3%. Công tác chống khai thác bất hợp pháp (IUU) được chỉ đạo quyết liệt. Sản xuất tôm giống tăng khá; chuyển đổi đối tượng nuôi trồng thủy sản giá trị cao đạt kết quả tích cực. Hoàn thành quy hoạch phân khu vùng sản xuất tôm giống chất lượng cao An Hải và Sơn Hải. Chương trình xây dựng nông thôn mới được tập trung thực hiện; có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 04 xã nông thôn mới nâng cao và 09 thôn đạt chuẩn nông thôn mới. Nâng tổng số có 32 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 14 xã nông thôn mới nâng cao và 47 thôn đạt chuẩn nông thôn mới.

* **Công nghiệp - xây dựng:** Giá trị gia tăng toàn ngành đạt 8.791 tỷ đồng, tăng 15,8% so cùng kỳ (kế hoạch tăng 15-16%). Giá trị gia tăng ngành công nghiệp đạt 5.830 tỷ đồng, tăng 15,08% (kế hoạch 16-17%). Khâu đột phá về năng lượng tái tạo tiếp tục phát huy hiệu quả, tăng 16,14% và đóng góp 2,59% GRDP. Tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai Quy hoạch điện VIII; các dự án năng lượng, hạ tầng truyền tải điện được đẩy nhanh tiến độ; đưa vào khai thác 485 MW các dự án năng lượng chuyển tiếp. Công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho công nghiệp chế biến, chế tạo được tăng cường; một số sản phẩm công nghiệp phục hồi và tăng trưởng; thu hút một số dự án đầu tư thứ cấp vào các khu, cụm công nghiệp.

Tuy nhiên, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng thấp, chưa đạt mục tiêu đề ra; một số sản phẩm chủ yếu giảm so cùng kỳ. Giá trị gia tăng ngành xây dựng đạt 2.961 tỷ đồng, tăng 17,25% (kế hoạch 14-15%). Triển khai hoàn thành đề án kinh tế đô thị và các đề án quy hoạch xây dựng, đô thị lớn, quan trọng; tập trung tháo tháo gỡ khó khăn thị trường bất động sản; tổ chức khởi công khu đô thị Đàm Cà Ná; công tác quản lý trật tự xây dựng, hạ tầng kỹ thuật được tăng cường

* **Thương mại - dịch vụ:** Giá trị gia tăng toàn ngành đạt 8.671 tỷ đồng, tăng 8,5% (kế hoạch 10-11%). Các ngành dịch vụ tiếp tục duy trì tăng trưởng; tập trung chỉ đạo triển khai các giải pháp đột phá phát triển ngành dịch vụ, du lịch; các hoạt động xúc tiến, quảng bá, kích cầu thương mại, du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ được tăng cường. Tham gia các hội chợ xúc tiến thương mại, du lịch tại một số tỉnh, thành phố trong cả nước; ký kết hợp tác phát triển du lịch giữa Khánh Hòa - Ninh Thuận, ngày văn hóa, du lịch Ninh Thuận tại Cần Thơ; tổ chức thành công Lễ hội Nho-Vang Ninh Thuận và đón nhận Bằng công nhận của UNESCO ghi danh “Nghệ thuật làm gốm của người Chăm

vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp”. Số lượng khách du lịch đến tỉnh tăng cao, đạt 2,9 triệu lượt khách, tăng 20,8%, vượt 7,4% kế hoạch; doanh thu từ hoạt động du lịch tăng 26,9% so cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng khá, tăng 15,8%; các ngành thương mại, dịch vụ vận tải, lưu trú và ăn uống tăng mạnh; dịch vụ bất động sản chậm phục hồi. Xuất khẩu thủy sản tiếp tục gặp khó khăn, giảm 15,4%. Công tác chuyển đổi số đạt kết quả bước đầu quan trọng; tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến đạt 83,66%, vượt 13,66% kế hoạch (70%); chỉ số đánh giá chuyển đổi số của tỉnh được cải thiện, xếp thứ 27/63 tỉnh, thành phố, tăng 26 bậc so với năm 2021. Hoạt động bưu chính, viễn thông phát triển ổn định, công tác bảo mật, an toàn thông tin mạng được bảo đảm, thông tin liên lạc được thông suốt. Công tác quản lý xuất bản báo chí được tăng cường, cấp mới 28 giấy phép.

* **Quản lý tài nguyên - môi trường:** Tập trung chỉ đạo hoàn thành kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của các huyện, thành phố; triển khai xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2024; ban hành quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023; phê duyệt giá đất cụ thể đối với một số dự án. Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra về đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường

* **Tài chính, ngân hàng:** Tập trung chỉ đạo triển khai kịp thời, hiệu quả các giải pháp quản lý thu ngân sách và các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp. Công tác quản lý chi ngân sách nhà nước bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định. Thu ngân sách đạt 3.658 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, giảm 4,5% so cùng kỳ. Tổng chi ngân sách đạt 7.551 tỷ đồng, đạt 100,1% dự toán. Hoạt động ngân hàng ổn định, an toàn, nợ xấu được kiểm soát. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình phục hồi của Chính phủ; hỗ trợ cho 62.048 lượt doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân/1.769 tỷ đồng.

* **Đầu tư phát triển:** Tập trung chỉ đạo hoàn thành quy hoạch tỉnh và nhiệm vụ lập quy hoạch Cảng hàng không Thành Sơn. Chỉ đạo quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và vốn các chương trình mục tiêu quốc gia; đến ngày 25/11/2023, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt 70,6% kế hoạch cao hơn bình quân chung cả nước (bình quân cả nước 65,1%), cao hơn so cùng kỳ năm 2022 và tỷ lệ giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia đạt 61% kế hoạch, trong đó vốn đầu tư công giải ngân đạt 78% kế hoạch, thuộc nhóm đầu cả nước (bình quân cả nước 55%) và vốn sự nghiệp giải ngân đạt 45%. Chỉ đạo phối hợp đẩy nhanh tiến độ dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam; khai thác bến 1A, triển khai đầu tư Bến 1B và các thủ tục xúc tiến đầu tư giai đoạn 2 Cảng tổng hợp Cà Ná; lập hồ sơ phê duyệt chủ trương đầu tư Cảng cạn Cà Ná; đôn đốc tiến độ các khu công nghiệp Du Long, Phước Nam, Cà Ná và thu hút các dự án đầu tư thứ cấp vào các khu công nghiệp. Tiếp tục đổi mới công tác xúc tiến đầu tư, chủ động thu hút, mời gọi các nhà đầu tư chiến lược đầu tư các dự án trọng điểm, động lực, các dự án thứ cấp trong các khu công nghiệp của tỉnh. Đến 20/11/2023, đã cấp quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư cho 73 dự án/3246,9 tỷ đồng; cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 06 dự án/1.031,3 tỷ đồng. Tăng cường rà soát các dự

án chậm tiến độ gắn với công tác thanh tra, kiểm tra và thu hồi các dự án chậm tiến độ.

*** Lĩnh vực văn hóa - xã hội**

- Giáo dục - đào tạo: Tập trung chỉ đạo triển khai các hoạt động dạy và học bảo đảm chất lượng, hiệu quả; quy mô học sinh các cấp năm 2022-2023 được duy trì; tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT an toàn, nghiêm túc, đúng quy định; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT tăng 1,23% so năm học trước. Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp học và duy trì trường đạt chuẩn quốc gia. Chỉ đạo tiếp tục đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo lộ trình. Hoàn thành phổ cập xóa mù chữ mức độ 1 năm 2022.

- Khoa học và công nghệ: Chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; triển khai chương trình hợp tác giữa Bộ Khoa học-Công nghệ và tỉnh về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; tiếp tục triển khai 32 nhiệm vụ khoa học công nghệ, nghiệm thu 10 nhiệm vụ; công tác hỗ trợ doanh nghiệp về sở hữu trí tuệ và khởi nghiệp được quan tâm; công tác quản lý đo lường được tăng cường; kiểm tra 60 cơ sở sản xuất kinh doanh, phát hiện 03 cơ sở vi phạm.

- Y tế: Chỉ đạo nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; tăng cường y tế dự phòng, kiểm soát các dịch bệnh truyền nhiễm, không để bùng phát thành dịch; tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19. Các khó khăn vướng mắc trong công tác đấu thầu trang thiết bị, thuốc, sinh phẩm và vật tư y tế cơ bản được tháo gỡ. Vệ sinh an toàn thực phẩm được bảo đảm, trong năm xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm. Công tác phòng chống HIV/AIDS và dân số, kế hoạch hóa gia đình được đẩy mạnh. Công tác hợp tác với các bệnh viện tuyến trên triển khai Đề án Bệnh viện vệ tinh và Đề án 1816 tiếp tục phát huy hiệu quả. Chương trình bảo vệ và chăm sóc trẻ em được quan tâm thực hiện.

- Thực hiện chính sách xã hội và lao động, việc làm: Tập trung triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, đúng đối tượng; trong dịp Tết Quý Mão tổ chức thăm, tặng quà các tổ chức, cá nhân, gia đình chính sách và cấp phát kịp thời gạo hỗ trợ của Chính phủ cho hộ nghèo đảm bảo công khai, đúng đối tượng; Các chính sách hỗ trợ người nghèo, lao động thất nghiệp được quan tâm triển khai. Tổ chức thành công giải Golf ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” năm 2023, góp phần thêm nguồn lực hỗ trợ cho những hoàn cảnh khó khăn. Công tác tư vấn giới thiệu việc làm, đào tạo nghề được đổi mới và đẩy mạnh; giải quyết việc làm đạt 113% kế hoạch, giảm 3,4% so cùng kỳ; đào tạo nghề đạt khá, vượt 15,7% kế hoạch, tăng 1,8% so cùng kỳ; xuất khẩu lao động đạt kết quả tích cực.

- Văn hóa, thể thao, phát thanh - truyền hình: Tập trung chỉ đạo tuyên truyền kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đảng, tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật đa dạng, phong phú mừng Đảng - mừng Xuân; trang trí đường phố, vườn hoa xuân, tổ chức biểu diễn văn nghệ và bắn pháo hoa đón Giao thừa Xuân Quý Mão tại 02 điểm Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm và huyện Ninh Sơn,

tạo không khí vui tươi, phấn khởi cho Nhân dân vui chơi giải trí đón Tết. Chương trình đưa văn hóa về cơ sở và giao lưu trực tuyến trên truyền hình được quan tâm thực hiện, chất lượng được nâng lên; thể thao thành tích cao tiếp tục phát triển.

- Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được quan tâm đầu tư, nhất là hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu, nâng cấp trường, lớp học, đội ngũ giáo viên chuẩn hóa, hệ thống y tế cơ bản đáp ứng yêu cầu; nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh hình thành và phát huy; đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số không ngừng cải thiện, thu nhập tăng lên.

*** Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội:** Công tác quân sự quốc phòng được thực hiện nghiêm túc, tổ chức giao quân đạt 100% chỉ tiêu, bảo đảm chất lượng, an toàn. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, huyện và diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ xã, phường bảo đảm an toàn, đạt kết quả tốt. Triển khai đồng bộ các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nhất là trong các ngày Lễ lớn, các sự kiện quan trọng của tỉnh; thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát các vùng trọng điểm, phức tạp nắm tình hình và kịp thời giải quyết các vụ việc xảy ra. Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác phòng, chống cháy nổ. Công tác kiểm tra, tuần tra việc chấp hành Luật giao thông đường bộ, đo nồng độ cồn trên các tuyến giao thông trọng điểm được tập trung chỉ đạo; tai nạn giao tăng trên cả 3 tiêu chí.

Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị tiếp tục được đẩy mạnh: Tổ chức đánh giá giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025; sau hội nghị đánh giá các cơ quan, đơn vị đã xây dựng kế hoạch, xác định giải pháp, phân công cụ thể để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trong thời gian tới, quyết tâm phấn đấu thực hiện vượt chỉ tiêu, nhất là với các chỉ tiêu đạt thấp; trước mắt các cơ quan, đơn vị đã triển khai một số giải pháp cụ thể. Công tác chính trị, tư tưởng được đẩy mạnh, tập trung tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tiếp tục triển khai thực hiện các chủ trương lớn về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị... Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng và phòng chống tham nhũng, tiêu cực được tăng cường; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, đảng viên, công chức được thực hiện nghiêm túc. Công tác vận động quần chúng và hoạt động của Mặt trận, đoàn thể tiếp tục chuyển biến tích cực.

2. SAU 3 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIV VĂN HÓA - XÃ HỘI NHIỀU CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC

Sau 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025, với sự đoàn kết thống nhất của tập thể lãnh đạo, sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của Nhân dân, tỉnh đã và đang quyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu mà nghị quyết đã đề ra; quyết tâm phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa (VH), xã hội (XH), thực hiện giảm nghèo hiệu quả, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

Để từng bước hiện thực hóa mục tiêu trên, trong nửa nhiệm kỳ đầu, tỉnh đã xác định, nâng cao chất lượng VH là một trong những chương trình trọng tâm cần được ưu tiên đầu tư phát triển. Trong đó, tập trung xây dựng môi trường VH lành mạnh, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; trọng tâm là xây dựng VH trong hệ thống chính trị, trong cộng đồng thôn, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mỗi gia đình. Cùng với đó, chú trọng công tác bảo tồn và phát huy các giá trị VH vật thể, phi vật thể. Từng bước đầu tư hoàn thiện các thiết chế VH. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về VH; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về đạo đức XH.

Qua 3 năm triển khai thực hiện, các chỉ tiêu về VH đều vượt kế hoạch đề ra, góp phần tạo dựng được môi trường VH lành mạnh, giúp người dân nâng cao chất lượng cuộc sống. Đến cuối năm 2023, có 100% thôn, khu phố, cơ quan, đơn vị được công nhận đạt chuẩn VH, 94% hộ gia đình công nhận gia đình VH; 2/6 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (NTM); 33/47 xã (70,2%) đạt chuẩn NTM, trong đó 14 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 50/254 thôn đạt chuẩn thôn NTM, trong đó có 2 thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản VH tiếp tục được các cấp chính quyền quan tâm. Đặc biệt, UNESCO công nhận Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa và ghi danh nghệ thuật làm gốm của người Chăm vào Danh sách di sản VH phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp. Ngoài ra, nhiều thiết chế VH, thể thao cơ sở được tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới, đưa vào hoạt động hiệu quả, đã phát huy tốt công năng, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng của nhân dân. Từ đó, góp phần đưa phong trào thể dục thể thao quần chúng tiếp tục duy trì và phát triển. Đến nay, có 34,5% dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên; trong 3 năm tham dự 35 giải quốc gia, quốc tế và khu vực, đạt 155 huy chương, trong đó: 30 HCV, 36 HCB, 89 HCD.

Tỉnh đã tập trung đẩy mạnh công tác giảm nghèo; bảo đảm an sinh XH, nhất là thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Đồng thời, thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người có công; tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong công tác dân tộc, tôn giáo... Qua 3 năm thực hiện, công tác giải quyết việc làm có chuyển biến tích cực, đã giải quyết việc làm mới cho 48.147 lao động, tốc độ tăng bình quân 3 năm 1,5%/năm. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm từ 7,82% năm 2021 xuống còn 4,43%, góp phần quan trọng vào sự ổn định và phát triển của tỉnh những năm qua.

Với phương châm đầu tư cho con người là đầu tư cho phát triển, trong nửa nhiệm kỳ triển khai thực hiện nghị quyết, tỉnh luôn quan tâm chăm lo cho sự

nghiệp “trồng người”, gắn với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nhờ đó tỷ lệ tốt nghiệp THPT hằng năm đều tăng, Năm học 2019-2020 đạt 96,3%, 2020-2021 đạt 96,75%, 2021-2022 đạt 96,7%, tình trạng bỏ học ở các cấp giảm.

Cùng với sự nghiệp giáo dục, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân cũng được tỉnh đặc biệt quan tâm. Đến nay, có 59/65 (90,8%) xã, phường có trạm y tế; có 96,9% xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế, tăng 4,6% so với năm 2020; 31,2 giường bệnh/vạn dân, tăng 2,1 giường so năm 2020; 94,9% trạm y tế xã, phường có bác sĩ, tăng 5,1% so năm 2020. Đến cuối năm 2023 tỷ lệ bác sĩ/vạn dân đạt 10,6 bác sĩ, tăng 0,6 bác sĩ so năm 2020.

Có thể khẳng định, dù còn gặp những khó khăn, song các lĩnh vực VH, XH luôn được tỉnh ta quan tâm chăm lo, đầu tư phát triển và đạt được nhiều kết quả rất quan trọng. Những kết quả đạt được trong nửa nhiệm kỳ qua đã và đang góp phần tạo nền tảng cho sự phát triển đồng bộ và toàn diện giữa kinh tế và VH, XH. Đồng thời, góp phần nâng cao nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và của cả hệ thống chính trị đối với vấn đề phát triển VH, thực hiện tiến bộ và công bằng XH, vì sự phát triển hài hòa, bền vững.

II. TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC

1. MỘT SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI THỜI GIAN QUA

Thời gian qua, các chế độ, chính sách trợ giúp xã hội được Nhà nước sửa đổi, mở rộng về đối tượng, tăng về mức hưởng, được thực hiện đúng mục đích, đúng đối tượng và đạt được những kết quả tích cực. Số người được hưởng trợ giúp xã hội tăng hằng năm, trong đó người hưởng trợ cấp tiền mặt hàng tháng tăng từ 2,374 triệu năm 2012, lên 3,149 triệu người (bao phủ hơn 3% dân số) năm 2020; đạt 3,3 triệu người năm 2022 (chiếm 3,5% dân số), trong đó người cao tuổi không có lương hưu và trợ cấp xã hội là 1,88 triệu người (chiếm 57%), đối tượng bảo trợ xã hội khác là 1,42 triệu người. Mức chuẩn trợ cấp được điều chỉnh tăng theo nguồn lực của trung ương và địa phương. Một số địa phương tự cân đối được ngân sách đã chủ động tăng ngân sách cho trợ giúp xã hội, trên cơ sở ban hành chính sách riêng, điều chỉnh nâng mức trợ cấp hàng tháng cao hơn mức chuẩn chung hoặc mở rộng diện thụ hưởng chính sách (Quảng Nam, Nghệ An, Hà Giang, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh...).

Quy trình và công tác xác định đối tượng được hưởng chính sách trợ giúp xã hội, nhất là trợ cấp tiền mặt được cải tiến theo hướng minh bạch và có sự tham gia của các cấp chính quyền và người dân, do vậy đã làm tăng tính cam kết và hiệu lực thực hiện. Chính sách trợ giúp xã hội đã bao phủ các nhóm đối tượng cần hỗ trợ, bảo đảm hỗ trợ kịp thời người dân khi gặp rủi ro, thiên tai. Giai đoạn 2014 - 2019, tổng số gạo Chính phủ hỗ trợ từ nguồn dự trữ quốc gia là 215.111 tấn; năm 2020, tổng số gạo hỗ trợ là 35.278 tấn; năm 2021, tổng số gạo hỗ trợ là 163.744 tấn, đặc biệt hỗ trợ cho người thiếu đói vì đại dịch Covid-19. Giai đoạn 2017 - 2021, ngân sách nhà nước đã hỗ trợ 4.822 tỷ đồng cho người dân khôi phục sản xuất, góp phần ổn định đời sống sau thiên tai, dịch bệnh. Giai

đoạn 2012 - 2020, Hội Chữ Thập đỏ Việt Nam thực hiện hỗ trợ từ thiện nhân đạo cho trên 133 triệu lượt người với tổng kinh phí trên 28,5 ngàn tỷ đồng.

Hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội tiếp tục được nâng cấp, củng cố. Cả nước hiện có 425 cơ sở trợ giúp xã hội (190 cơ sở công lập và 235 cơ sở ngoài công lập), trong đó có 46 cơ sở chăm sóc người cao tuổi, 73 cơ sở chăm sóc người khuyết tật, 149 cơ sở chăm sóc trẻ em, 102 cơ sở tổng hợp, 32 cơ sở chăm sóc người tâm thần và 23 trung tâm công tác xã hội. Mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội đã tiếp nhận, nuôi dưỡng và chăm sóc nhiều đối tượng bảo trợ xã hội khác nhau, trong đó đối tượng là người lớn, trẻ em khuyết tật và tâm thần chiếm tỷ lệ lớn (46,5%); đối tượng là trẻ em mồ côi và trẻ em bị bỏ rơi chiếm 19,3%; đối tượng là trẻ em và người lớn nhiễm HIV/AIDS chiếm 1,4%. Đến nay, mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội đã cung cấp dịch vụ cho khoảng 30% đối tượng cần trợ giúp xã hội như tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng; tổ chức hoạt động phục hồi chức năng, lao động sản xuất, dạy văn hóa, dạy nghề, giáo dục hướng nghiệp và cung cấp các dịch vụ công tác xã hội.

Phát triển các mô hình chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng như mô hình chình hình, phục hồi chức năng cho người khuyết tật, trẻ em khuyết tật dựa vào cộng đồng; các mô hình hỗ trợ các đối tượng đặc biệt như “Ngôi nhà tạm lánh” cung cấp dịch vụ tạm lánh, hỗ trợ tâm lý, bảo vệ phụ nữ và trẻ em bị bạo lực gia đình; mô hình “Ngôi nhà bình yên” bảo vệ chăm sóc phụ nữ và trẻ em bị mua bán trở về... Khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân trong triển khai các mô hình chăm sóc người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật, trong đó mô hình nhà dưỡng lão đã được triển khai ở nhiều địa phương, đặc biệt là các đô thị lớn.

2. MỘT SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH VIỆC LÀM, THU NHẬP CHO NGƯỜI DÂN

Theo Báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thời gian qua, các chính sách, chương trình và giải pháp tạo việc làm đã được triển khai đồng bộ, tích cực, hiệu quả. Giai đoạn 2012 - 2019, bình quân giải quyết việc làm trong nước cho khoảng 1,5 - 1,6 triệu người/năm, giảm xuống còn 1,3 triệu người/năm trong 2 năm 2020 và 2021 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Tỷ lệ thất nghiệp chung luôn duy trì ở mức dưới 3% và dưới 4% đối với khu vực đô thị trong giai đoạn 2012 - 2020. Năm 2021, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 3,22%, tăng 0,54% so với năm 2020; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 4,42%, cao hơn 1,94% so với khu vực nông thôn; tỷ lệ thất nghiệp của nữ là 3,28%, của nam là 3,17%; tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên còn cao (8,55%), gấp gần 3 lần tỷ lệ thất nghiệp chung. Năm 2021, do tác động của giãn cách và đứt gãy chuỗi cung ứng đầu vào nên nhiều doanh nghiệp trong khu vực chính thức và hoạt động sản xuất kinh doanh phi chính thức bị thu hẹp hoặc phá sản dẫn đến cắt giảm việc làm nghiêm trọng làm cho tỷ lệ thất nghiệp tăng cao.

Quỹ Quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng khác đã thực hiện tốt chức năng hỗ trợ việc làm. Giai đoạn 2012 - 2021, đã hỗ trợ việc làm cho 1.485.155

lao động. Đến tháng 4/2022, tổng nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm đạt 45.750 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm là 4.611 tỷ đồng, nguồn vốn do Ngân hàng Chính sách huy động là 20.175 tỷ đồng, nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội là 20.944 tỷ đồng.

Cả nước hiện có 83 trung tâm dịch vụ việc làm. Giai đoạn 2012 - 2021, mỗi năm các trung tâm đã thực hiện tư vấn, giới thiệu việc làm cho trên 2 triệu lượt lao động. Hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đạt kết quả tích cực. Hiện nay, có khoảng 600.000 lao động Việt Nam làm việc theo hợp đồng và có thu nhập ổn định; gửi về nước lượng kiều hối khoảng 3,5 tỷ đôla Mỹ/năm.

Giai đoạn 2012 - 2020, mở rộng được nhiều thị trường mới, chất lượng lao động được nâng cao, hoạt động của các doanh nghiệp đưa người đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng dần vào nề nếp. Trong giai đoạn 2020 - 2021, hoạt động này gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19. Số lao động đi làm việc năm 2020 là 78.641 người, năm 2021 là 45.058 người, năm 2022 khoảng 90.000 người.

Tăng trưởng kinh tế đã thúc đẩy việc làm và thu nhập của người dân. Giai đoạn 2012 - 2020, thu nhập bình quân đầu người tăng 2,2 lần (từ 2 triệu đồng/tháng lên 4,25 triệu đồng/tháng), tốc độ tăng khoảng 10%/năm; tốc độ tăng thu nhập nông thôn cao hơn thành thị, góp phần thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn, các vùng miền.

Khoảng cách thu nhập bình quân đầu người của nhóm 20% dân số giàu nhất và 20% dân số nghèo nhất đang được thu hẹp, nhưng chưa ổn định, từ 9,3 lần năm 2012 lên 10,2 lần năm 2019 và xuống còn 8,07 lần năm 2020. Khoảng cách thu nhập bình quân đầu người lớn nhất là các hộ thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc (9,7 lần). Cơ cấu thu nhập qua các năm đã có sự chuyển biến theo hướng tiến bộ hơn, tỷ trọng thu nhập từ tiền lương, tiền công ngày càng tăng, từ 46,1% năm 2012 lên 55,5% năm 2020.

3. QUY ĐỊNH SỐ 131-QĐ/TW: QUYẾT LIỆT BẢO VỆ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

(TG) - Quy định 131 chính là liều “vaccine” đủ mạnh để đội ngũ cán bộ, đảng viên tại hệ thống các tổ chức Đảng, chính quyền, các cơ quan hành pháp soi vào, tự răn mình, tự sửa mình, chú trọng việc nêu gương, thống nhất giữa nói và làm, nhất là đối với người đứng đầu tại hệ thống các cơ quan công quyền trong quá trình kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực

Bảo vệ sự minh bạch của các cơ quan công quyền

Trong những năm qua, công tác đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực được lãnh đạo, chỉ đạo triển khai khá toàn diện, quyết liệt, với nhiều giải pháp đồng bộ để xây dựng, hoàn thiện thể chế về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cả hệ thống chính trị; trong đó có việc nghiên cứu, ban hành mới cũng như sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số quy định của Đảng và các quy định của pháp

luật nhằm hình thành khuôn khổ pháp lý vững chắc để không thể tham nhũng, không dám tham nhũng, nhất là đội ngũ cán bộ thực thi công tác phòng, chống tham nhũng. Cùng với Quy định “Kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án” (Quy định 132), Quy định số 131-QĐ/TW về “Kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán” (Quy định 131) ra đời và sớm được triển khai trong hoạt động của các cấp ủy, tổ chức Đảng và quá trình công tác của mỗi cán bộ, đảng viên đã thực sự là “thanh bảo kiếm” bảo vệ sự minh bạch của các cơ quan công quyền; đồng thời cũng là liều “vaccine” đủ mạnh để mỗi cán bộ, đảng viên tự soi, tự răn, tự sửa mình, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng trong sạch vững mạnh.

Quy định 131 gồm 4 chương và 11 điều; trong đó đã giải thích rõ: Kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán là việc sử dụng cơ chế, biện pháp nhằm bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy chế làm việc, quy định, quy trình nghiệp vụ... để phòng ngừa và phát hiện, ngăn chặn, xử lý các vi phạm, lạm dụng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao (trong quá trình công tác)...

Trên thực tế, hoạt động thanh tra, kiểm toán vốn là những lĩnh vực “nhạy cảm”, liên quan đến công việc kiểm tra, đánh giá, kết luận và xác nhận tính đầy đủ, hợp lý, hợp pháp của số liệu, tài liệu kế toán, báo cáo tài chính của các cơ quan, tổ chức có liên quan đến thu, chi ngân sách nhà nước; liên quan đến việc phát hiện sơ hở trong cơ chế, chính sách, pháp luật và phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật, trong đó có hành vi tham nhũng, tiêu cực... Vì thế, công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng trong những lĩnh vực này càng thêm “nhạy cảm” hơn, vì phải thường xuyên phải đối mặt với những cám dỗ về vật chất và tinh thần, với những tiêu cực nảy sinh trong quá trình công tác như: Sử dụng thẩm quyền không đúng mục đích; lợi dụng quyền hạn để trục lợi cá nhân hoặc “nhóm lợi ích”; nhận hối lộ để bao che, giúp đối tượng không bị xử lý hoặc giảm nhẹ khi xem xét xử lý kỷ luật... Và cũng vì thế, việc tạo nên bức “trường thành vững chắc” để ngăn ngừa những việc tiêu cực diễn ra trước, trong và sau quá trình công tác; đồng thời bịt kín những kẽ hở gây bức xúc trong dư luận đối với lĩnh vực công tác “nhạy cảm” này là rất cần thiết. Trên tinh thần đó, việc ban hành Quy định 131 đã thêm một lần khẳng định chủ trương, quyết tâm, biện pháp hữu hiệu của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với việc phòng và đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực hiện nay.

Điều 4 của Quy định 131 chỉ rõ 22 mục (các hành vi tham nhũng, tiêu cực) bị nghiêm cấm trong quá trình công tác. Cụ thể là: “Hối lộ, nhận hối lộ, môi giới hối lộ, mua chuộc người có trách nhiệm, chức vụ, quyền hạn hoặc người có liên quan nhằm giảm nhẹ, trốn tránh trách nhiệm cho đối tượng vi phạm; cung cấp, tiết lộ thông tin, tài liệu, hồ sơ của đối tượng kiểm tra cho tổ chức và cá nhân không có thẩm quyền, trách nhiệm, nhất là thông tin, tài liệu, hồ

sơ đang trong quá trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng hoặc thanh tra, kiểm toán; nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác hoặc lợi ích phi vật chất, tham gia hoạt động vui chơi, giải trí của đối tượng kiểm tra hoặc người có liên quan đến đối tượng kiểm tra...” và “lợi dụng các mối quan hệ thân quen hoặc sử dụng lợi thế, vị trí công tác, uy tín của mình, người khác để tác động, tranh thủ, gây sức ép với đối tượng kiểm tra hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm trục lợi hoặc động cơ cá nhân khác” cũng như việc “để người có quan hệ gia đình lợi dụng ảnh hưởng chức vụ, quyền hạn của mình nhằm thao túng, can thiệp vào việc kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, thanh tra, kiểm toán; chỉ đạo hoặc cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, chưa được phép công bố hoặc không thực hiện đúng kết luận, kiến nghị về kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, thanh tra, kiểm toán”... Việc nhận diện đúng những hành vi tham nhũng, tiêu cực này chính là hành động quyết liệt của Đảng trong công tác giám sát để phòng, chống tham nhũng nói chung cũng như kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng và bịt lại những kẽ hở trong hoạt động thanh tra, kiểm toán nói riêng.

Đồng thời, Điều 5 của Quy định 131 cũng nêu rõ trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu, thành viên cấp ủy, tổ chức đảng trong quá trình công tác phải thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp ủy, tổ chức Đảng thuộc thẩm quyền quản lý. Theo đó, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra của cấp ủy phải thực hiện nghiêm quy định của Đảng, chỉ đạo của cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra cấp trên để không chỉ kịp thời chấn chỉnh hạn chế, khuyết điểm trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng, mà còn phải thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực một cách kịp thời đi liền cùng với việc chủ động phát hiện, xử lý nghiêm vi phạm trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng. Cùng với đó là kịp thời xem xét, thi hành kỷ luật nghiêm minh theo quy định của Đảng đối với cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên có hành vi tham nhũng, tiêu cực, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán... Toàn bộ những nội dung này cũng cho thấy, chừng nào những văn bản pháp luật và cả luật còn “kẽ hở” dễ bị lợi dụng, thì chừng đó còn phải rà soát, sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung luật và các văn bản dưới luật, các quy định để phòng ngừa và nhất là không để đối tượng lợi dụng, lạm dụng quyền lực thực hiện hành vi tham nhũng, tiêu cực, trục lợi cá nhân và cho nhóm lợi ích...

Trên tinh thần đó, có thể thấy Quy định 131 khẳng định tính dân chủ, khách quan, khoa học và minh bạch của công tác chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần làm trong sạch Đảng và hệ thống chính trị. Việc ban hành, thực thi Quy định 131 cũng đồng thời cho thấy rõ tính minh bạch của hệ thống các cơ quan công quyền ở Việt Nam và đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam thực sự không có vùng cấm, không có vùng đặc biệt nào cần phải “né tránh”, góp phần xây dựng và hoàn thiện, bảo vệ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chú trọng làm trong sạch đội ngũ

Để công cuộc phòng và đấu tranh chống tham nhũng hiệu quả, Đảng và Nhà nước không chỉ trao quyền và phát huy cao độ vai trò của các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán (các cơ quan) cùng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan này, mà còn chú trọng kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong quá trình công tác. Một đội ngũ cán bộ luôn nỗ lực bảo đảm sự nghiêm minh, hiệu lực, hiệu quả khi thực thi nhiệm vụ sẽ góp phần tạo dựng và củng cố lòng tin vững chắc trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Từ những vụ án đã và đang được đưa ra xét xử (vụ án nguyên Chánh Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông Đặng Anh Tuấn cản trở hoạt động đoàn kiểm tra trong vụ án “đánh bạc nghìn tỷ” do Nguyễn Văn Dương cầm đầu (2019); nhóm cán bộ thanh tra Bộ Xây dựng lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản tại tỉnh Vĩnh Phúc (2019) và Nguyễn Kiên Cường, nguyên Chánh Thanh tra Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình làm lộ bí mật nhà nước (2021) và các vụ án đưa/nhận hối lộ giữa cán bộ thanh tra tỉnh Lai Châu và cán bộ các ban quản lý dự án rừng phòng hộ tỉnh Lai Châu; Chánh Thanh tra tỉnh Lâm Đồng nhận hối lộ; vụ án đưa/nhận hối lộ của 4 cán bộ thanh tra giao thông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu...) mới đây được đăng tải trên các phương tiện thông tin truyền thông, có thể thấy việc cần phải “bịt kín” những “kẽ hở” của pháp luật để kiểm soát quyền lực nói chung, không chế, ngăn chặn/kiểm soát quyền lực trong các cơ quan và đội ngũ làm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực nói riêng là yêu cầu tất yếu trong quá trình thực thi quyền lực Nhà nước. Vì thế, Quy định 131 đã ra đời và việc triển khai thực hiện nghiêm Quy định này sẽ hạn chế đến mức thấp nhất và đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực trong quá trình công tác của những tổ chức, cá nhân có trọng trách kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán.... Từ đó, không chỉ hạn chế tối đa việc thông cung, chạy tội, chạy án của người có vi phạm, mà còn khắc phục được tình trạng tiêu cực, tham nhũng xảy ra trong chính các cơ quan chống tham nhũng, tiêu cực khi cán bộ có thẩm quyền đã dùng quyền lực, chức vụ của mình kéo bè, kéo cánh đe dọa người không cùng quan điểm hay người phát hiện ra những khuất tất của mình trong quá trình công tác...

Đặc biệt, Quy định 131 sẽ góp phần ngăn chặn và xử lý những cách thức tham nhũng tập thể; hối lộ tập thể như vụ Vạn Thịnh Phát, Ngân hàng SCB...; cũng chính là nhằm không chế các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân (hông hách, cửa quyền, độc quyền, lợi dụng quyền lực để o ép, áp đảo, đe dọa...) nhằm trục lợi của những người được giao nhiệm vụ thực hiện kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán; nhất là để phòng và tránh được oan sai hay bỏ lọt khuyết điểm, tội lỗi...

Vì thế, những nội dung của Quy định 131 chính là liều “vaccine” đủ mạnh để đội ngũ cán bộ, đảng viên tại hệ thống các tổ chức Đảng, chính quyền, các cơ quan hành pháp soi vào, tự răn mình, tự sửa mình, chú trọng việc nêu gương, thống nhất giữa nói và làm, nhất là đối với người đứng đầu tại hệ thống các cơ quan công quyền trong quá trình kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng,

tiêu cực. Theo đó, người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng phải “chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước” cũng như phải chịu “trách nhiệm khi để xảy ra vi phạm quy định về kiểm soát quyền lực, tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán”. Để đảm bảo khách quan, công tâm và nhất là phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong quá trình công tác, người đứng đầu cần phải “triệu tập đầy đủ, đúng thành phần, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong thảo luận và quyết định các vấn đề theo thẩm quyền; không được vận động, dẫn dắt, thao túng, áp đặt ý kiến chủ quan, tác động, gây sức ép để người khác nhận xét, đánh giá, biểu quyết, quyết định theo ý mình. Báo cáo kịp thời, trung thực, khách quan, đầy đủ ý kiến của tập thể lãnh đạo với cấp có thẩm quyền, nhất là những vấn đề còn có ý kiến khác nhau”... như Điều 5 của Quy định.

Điều 7 của Quy định nghiêm cấm các hành vi “can thiệp trái quy định vào hoạt động kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, thanh tra, kiểm toán; lợi dụng ảnh hưởng của mình tác động đến người làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, thanh tra, kiểm toán. Thiết lập quan hệ để hối lộ, mua chuộc người có trách nhiệm, chức vụ, quyền hạn hoặc người có liên quan nhằm mục đích chạy tội, trốn tránh trách nhiệm cho đối tượng vi phạm. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc dùng uy tín, ảnh hưởng của bản thân và gia đình gợi ý, tác động, gây áp lực để người có thẩm quyền quyết định hoặc tham mưu, đề xuất, nhận xét, đánh giá, biểu quyết về kết luận, quyết định kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, thanh tra, kiểm toán không đúng bản chất sự việc”... cũng chính là minh chứng cho thấy Đảng không chỉ quyết tâm làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức tại các cơ quan công quyền, thiết thực bảo vệ chế độ, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà còn quyết liệt bảo vệ sự lành mạnh của các quan hệ xã hội, sự minh bạch của hệ thống công quyền, góp phần củng cố niềm tin, sự ủng hộ của nhân dân đối với Đảng và chế độ.

Từ thực tiễn công tác phòng, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực đã cho thấy rằng tham nhũng, tiêu cực không chỉ là nguy cơ mà đã hiện hữu trong hoạt động của các cơ quan phòng, chống tham nhũng và những người làm nhiệm vụ tại các cơ quan này. Cho nên, nếu đã vi phạm các nội dung nêu trong điều 4 Quy định 131, thì những người đang công tác sẽ bị đình chỉ công tác, chức vụ, không bố trí làm công tác tham mưu, nghiệp vụ về kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, thanh tra, kiểm toán cũng như không quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phong, thăng cấp bậc hàm, giới thiệu bầu cử, ứng cử chức vụ tương đương hay phong tặng danh hiệu, khen thưởng theo quy định... theo Điều 8 và Điều 9.

Cuối cùng, có thể khẳng định rằng: Trên cơ sở cập nhật đường lối, chủ trương, quan điểm, nguyên tắc của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật, thanh tra, kiểm toán; về phòng và đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực phù hợp chính sách, pháp luật của Nhà nước, Quy định 131 đã tập trung quy định về nguyên tắc; các hành vi tham nhũng, tiêu cực; biện pháp phòng ngừa; chế tài xử lý răn đe... để làm cơ sở để xác định trách nhiệm, thủ tục tiến hành. Nội dung

của Quy định thể hiện rõ tinh thần kết hợp giữa xây và chống; trong đó xây là chính, chống phải kiên quyết và lấy chống để xây rất nhân văn, phù hợp với yêu cầu thực tiễn công cuộc phòng, đấu tranh chống tham nhũng gắn với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Việc ban hành Quy định 131 góp phần hoàn thiện cơ chế phòng ngừa chặt chẽ để mọi quyền lực được kiểm soát “trong lồng cơ chế”; đồng thời và việc thực thi Quy định này chính là để quyền hạn phải gắn với trách nhiệm; công khai, minh bạch, nghiêm minh phải gắn với trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng, hoạt động thanh tra, kiểm toán, đảm bảo làm trong sạch đội ngũ và bảo vệ các cơ quan công quyền.

III. TÌNH HÌNH THẾ GIỚI

BẢY MƯƠI LĂM NĂM TUYÊN NGÔN THẾ GIỚI VỀ QUYỀN CON NGƯỜI: THÀNH TỰU VÀ THÁCH THỨC

Ngày 10/12/1948, tại Thủ đô Paris (Pháp), Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Tuyên ngôn thế giới về quyền con người. Trải qua 75 năm với bao thăng trầm, Tuyên ngôn thế giới về quyền con người vẫn là văn kiện có ý nghĩa nhân văn cao cả, đã và đang là mục tiêu phấn đấu của toàn thể nhân loại. Là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, Việt Nam luôn coi bảo đảm quyền con người là bản chất, mục đích của chế độ xã hội chủ nghĩa và đã đạt nhiều thành tựu quan trọng, được quốc tế ghi nhận, đánh giá cao.

Văn kiện quốc tế đầu tiên ghi nhận một cách tương đối toàn diện quyền con người

Cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai do chủ nghĩa phát-xít gây ra đã làm hàng trăm triệu người trên thế giới thiệt mạng, bị mất người thân, nhà cửa, phương tiện sinh sống, buộc phải di cư, tị nạn... Riêng ở Việt Nam, có tới hơn 2 triệu người thiệt mạng. Những tổn thất to lớn mà cuộc chiến tranh này gây ra đã thức tỉnh nhân loại về một nhiệm vụ chung cấp bách, đó là bảo vệ hòa bình, tôn trọng độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và quyền con người. Chính vì vậy, ngay sau khi Liên hợp quốc được thành lập (ngày 24/10/1945), công việc soạn thảo một văn kiện về quyền con người đã được Đại hội đồng Liên hợp quốc khẩn trương triển khai, giao Ủy ban quyền con người trực thuộc Liên hợp quốc thực hiện. Sau hai năm (1947 - 1948) làm việc tích cực của các chuyên gia hàng đầu Liên hợp quốc, Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (gọi tắt là Tuyên ngôn) chính thức ra đời vào ngày 10/12/1948.

Được xem như văn kiện đầu tiên khẳng định một cách tương đối toàn diện về quyền con người, một tiêu chuẩn và mục tiêu chung cho tất cả quốc gia, dân tộc hướng tới, Tuyên ngôn, *một mặt*, chọn lọc kế thừa những tư tưởng tiến bộ của nhân loại được ghi nhận ở một số văn kiện lịch sử mang tính bản lề liên quan đến quyền con người, như Đại Hiến chương về quyền tự do của Anh năm 1215, Tuyên ngôn Độc lập Mỹ năm 1776, Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp năm 1789; *mặt khác*, ghi nhận một số quyền là những vấn đề mang tính thách thức đối với các hệ thống xã hội vào thời điểm Tuyên ngôn ra đời, như quyền không bị kỳ thị, phân biệt đối xử về chủng tộc, màu da, giới tính;

quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng tôn giáo, tự do hội họp, lập hội; quyền được tham gia quản lý đất nước...

Tuyên ngôn bao gồm phần lời nói đầu và phần nội dung với 30 Điều. Phần lời nói đầu của Tuyên ngôn đề cập đến những tư tưởng tiên bộ của nhân loại và những vấn đề cấp bách mà cộng đồng quốc tế phải ứng phó, bao gồm: 1- Tự do, công lý và hòa bình; 2- Nhu cầu về quyền tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, tôn giáo và “thoát khỏi” sự khốn cùng; 3- Quyền con người phải được một chế độ pháp trị bảo đảm; 4- Dựa vào Hiến chương Liên hợp quốc, Tuyên ngôn “xác nhận lại” và cam kết tôn trọng, thực thi trên toàn cầu những quyền và tự do căn bản ghi trong Tuyên ngôn.

Trong phần nội dung, 30 Điều của Tuyên ngôn ghi nhận khá đầy đủ các quyền cơ bản của con người, từ quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, đến quyền được hưởng an sinh xã hội, tiếp cận các dịch vụ công, quyền làm việc, nghỉ ngơi, quyền học tập, quyền được hưởng sự chăm sóc đặc biệt đối với bà mẹ và trẻ em... Bên cạnh đó, Tuyên ngôn còn khẳng định mọi người đều phải có nghĩa vụ đối với cộng đồng, tôn trọng thích đáng các quyền và tự do của người khác, đáp ứng những yêu cầu về đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung; cấm lạm dụng các quyền và tự do vào mục đích trái với những mục tiêu, tôn chỉ của Hiến chương Liên hợp quốc.

Những nội dung của Tuyên ngôn đã tạo nền tảng quan trọng cho sự ra đời của các điều ước quốc tế cơ bản về quyền con người sau này, như: Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (CERD, năm 1965); Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR, năm 1966); Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR, năm 1966); Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt với phụ nữ (CEDAW, năm 1979); Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm (năm 1984); Công ước về quyền trẻ em (năm 1989), Công ước về bảo vệ quyền của tất cả người lao động di trú và các thành viên gia đình (năm 1990), Công ước về bảo vệ tất cả mọi người khỏi bị cưỡng bức mất tích (năm 2006), Công ước về quyền của người khuyết tật (năm 2007).

Xét về tính chất, quyền con người được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người và thể hiện cụ thể tại các văn kiện quốc tế có bốn đặc tính cơ bản. *Một là*, tính phổ quát. Lần đầu tiên đặc tính này được khẳng định tại Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, đồng thời được đề cập trong nhiều công ước, tuyên bố, nghị quyết quốc tế về quyền con người. Đó là mọi người sinh ra đều được hưởng các quyền con người. *Hai là*, tính không thể phân chia và phụ thuộc lẫn nhau. Các quyền con người đều có giá trị quan trọng như nhau và có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, phụ thuộc lẫn nhau; sự tiến bộ trong bảo đảm một quyền cũng dẫn tới những tác động tích cực trực tiếp hoặc gián tiếp đến bảo đảm các quyền khác; ngược lại, sự vi phạm một quyền cũng trực tiếp hoặc gián tiếp gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc bảo đảm các quyền khác. *Ba là*, tính bình đẳng và không phân biệt đối xử. Tất cả mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền; mọi người đều được hưởng tất cả quyền con người, không bị phân biệt đối xử vì bất kỳ lý do gì, từ vấn đề chủng

tộc, dân tộc, giới tính, tôn giáo, đến độ tuổi, thành phần xuất thân... *Bốn* là, quyền phải đi cùng với nghĩa vụ. Mỗi cá nhân đều được hưởng các quyền con người, nhưng cũng có nghĩa vụ phải tôn trọng các quyền con người của người khác.

Xét về phân loại, cùng với sự phát triển của các văn kiện quốc tế về quyền con người, hiện nay, cộng đồng quốc tế phân loại các quyền con người theo nhiều tiêu chí khác nhau, nhưng một trong những cách phân loại thông dụng nhất là theo lĩnh vực của đời sống. Do vậy, quyền con người bao gồm hai nhóm chính: quyền dân sự, chính trị và quyền kinh tế - xã hội, văn hóa. Cách phân loại này được thể hiện ở Công ước về các quyền dân sự và chính trị (năm 1966) và Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (năm 1966). Trong đó, nhóm quyền dân sự, chính trị, bao gồm quyền sống, quyền tự do và an toàn nhân thân, quyền tự do đi lại và cư trú, quyền được bảo vệ sự riêng tư; quyền tham gia chính trị, quyền bầu cử, quyền tự do hội họp, quyền tự do lập hội... Nhóm quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, bao gồm quyền lao động, quyền được hưởng mức sống thích đáng; quyền được hưởng an toàn xã hội, quyền về gia đình, hôn nhân không bị cưỡng bức; quyền giáo dục, quyền y tế, quyền văn hóa... Các quyền này đòi hỏi có sự can thiệp và hỗ trợ của Nhà nước. Ngoài ra, có thể kể đến quyền liên kết với các vấn đề toàn cầu và gắn với sự sống còn của nhân loại, như quyền hòa bình, quyền môi trường, quyền phát triển. Những quyền này đòi hỏi có sự hợp tác và trách nhiệm của cả cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, sự phân chia các quyền con người theo tiêu chí lĩnh vực chỉ mang tính tương đối do một số quyền có sự đan xen giữa tính chất dân sự và chính trị, chẳng hạn như quyền tự do biểu đạt, quyền tự do hội họp một cách hòa bình, quyền tự do lập hội. Hơn nữa, quyền con người với tính chất không thể phân chia và phụ thuộc lẫn nhau, khó có thể phân cấp một cách rạch ròi, đòi hỏi việc bảo đảm quyền con người được triển khai đồng bộ và coi trọng như nhau. Việc phân loại quyền con người chỉ mang tính lý thuyết, chủ yếu nhằm mục đích theo dõi, phân tích, tìm hiểu đặc trưng cơ bản, qua đó đề ra những biện pháp chung và biện pháp riêng để thực thi thích hợp.

Sau 75 năm kể từ khi ra đời, các quy định của Tuyên ngôn vẫn còn nguyên giá trị. Đó là văn kiện chính trị đặc biệt, được tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị, hệ tư tưởng, trình độ phát triển, bản sắc văn hóa đều thừa nhận và được xem là giá trị chung của nhân loại, góp phần thúc đẩy các quốc gia, dân tộc xây dựng, thực thi quyền con người, làm cho thế giới phát triển, tiến bộ hơn. Hiện nay, Tuyên ngôn thế giới về quyền con người đã được dịch sang 555 thứ tiếng và đang tiếp tục được dịch sang nhiều thứ tiếng khác nhằm tăng cường phổ biến, thúc đẩy, bảo vệ các quyền con người.

Những thành tựu và một số vấn đề đặt ra hiện nay về quyền con người

Thứ nhất, Tuyên ngôn thế giới về quyền con người đã thúc đẩy sự phát triển và hoàn thiện khung khổ luật pháp quốc tế cũng như pháp luật quốc gia, các cơ chế về quyền con người, cụ thể hóa và phát triển nội hàm của các quyền

con người trên nhiều lĩnh vực nhằm bảo vệ các quyền cụ thể của con người nói chung và quyền của các nhóm người dễ tổn thương, như phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, người di cư,...

Ở cấp độ quốc tế, hàng loạt điều ước quốc tế về quyền con người đã được xây dựng, tạo khung khổ pháp lý quốc tế cho việc thực hiện các quyền con người trong mọi lĩnh vực trên toàn cầu. Luật Nhân quyền quốc tế tiếp tục phát triển và mở rộng nhằm giải quyết các vấn đề nhân quyền mới nổi, như quyền của người cao tuổi, quyền được biết sự thật, quyền môi trường trong sạch, nước, vệ sinh và thực phẩm, quyền tiếp cận công bằng với vắc-xin, quyền được tiêm chủng...

Ở cấp độ khu vực, bên cạnh Công ước châu Âu về nhân quyền năm 1950, Công ước châu Mỹ về nhân quyền năm 1969, Hiến chương châu Phi về nhân quyền và quyền các dân tộc năm 1981, Tuyên bố Nhân quyền ASEAN ra đời vào ngày 18/11/2012 là văn kiện chính trị quan trọng của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong tiến trình thúc đẩy, bảo vệ, bảo đảm quyền con người của các nước ASEAN, được các nước ASEAN không ngừng nỗ lực thực thi và đạt nhiều tiến bộ, góp phần xây dựng Cộng đồng ASEAN phát triển bền vững, hướng tới người dân, lấy người dân làm trung tâm.

Tuyên ngôn đã khơi dậy các phong trào đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa, xóa bỏ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và thúc đẩy công bằng xã hội. Điển hình như, cuộc đấu tranh giành độc lập của các nước thuộc địa khác ở châu Á và châu Phi vào cuối những năm 40 đến những năm 60 của thế kỷ XX; cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở Mỹ và Nam Phi; các nỗ lực ở các cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế về thúc đẩy quyền của phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số... Đồng thời, thúc đẩy tạo ra hệ thống cơ chế quốc tế về quyền con người, bao gồm các cơ quan, cơ chế và tiêu chuẩn quốc tế để bảo đảm và thúc đẩy vấn đề quyền con người, như Cao ủy Liên hợp quốc về quyền con người (năm 1993); Hội đồng Nhân quyền của Liên hợp quốc (năm 2006); các Ủy ban Công ước của Liên hợp quốc về quyền con người. Ngoài ra, còn có các cơ chế khu vực về quyền con người, như: Tòa án Nhân quyền châu Âu, Tòa án Nhân quyền châu Phi, Tòa án Nhân quyền châu Mỹ,... và các cơ quan liên chính phủ ở cấp độ khu vực về quyền con người, như Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền (AICHR). Tuyên ngôn cũng thúc đẩy sự phát triển không chỉ của luật về quyền con người quốc tế, mà còn cả những lĩnh vực khác của luật quốc tế khác có liên quan nhằm thực thi quyền con người, như: luật nhân đạo quốc tế, luật quốc tế về trách nhiệm hình sự quốc tế và việc trừng trị các tội ác chiến tranh, tội ác chống lại loài người...

Thứ hai, các nước đã đạt được những thành tựu to lớn trong thực hiện các quyền con người trên hàng loạt lĩnh vực ở khắp thế giới, góp phần cải thiện nhiều về mức sống, sức khỏe, giáo dục, lao động, an sinh xã hội của mọi người trên thế giới. Theo đó, quyền con người đã trở thành một trọng tâm trong hoạt động đối thoại toàn cầu về hòa bình, an ninh và phát triển. Các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa, dân sự, chính trị và phát triển được công nhận là quyền có tính chất phổ quát, không thể phân chia và có sự tác động qua lại lẫn nhau. Không phân

biệt đối xử và bình đẳng ngày càng được khẳng định là những nguyên tắc cơ bản của luật quyền con người quốc tế và là yếu tố thiết yếu của phẩm giá con người. Những biện pháp bảo vệ rõ ràng được quy định tại các điều ước quốc tế nhằm bảo vệ trẻ em, phụ nữ, nạn nhân bị tra tấn, người khuyết tật. Quyền của phụ nữ được thừa nhận là quyền cơ bản của con người. Phân biệt đối xử và hành vi bạo lực đối với phụ nữ luôn là một trong những trọng tâm trong thảo luận về quyền con người. Quyền con người của người khuyết tật được công nhận rõ ràng, đặc biệt và quan trọng nhất là quyền tham gia hiệu quả vào mọi lĩnh vực của cuộc sống trên cơ sở bình đẳng với những người khác. Quyền của người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới đã được đưa vào chương trình nghị sự quốc tế, được thảo luận tại Hội đồng Nhân quyền của Liên hợp quốc...

Sau 75 năm Tuyên ngôn thế giới về quyền con người ra đời và phát triển, quyền con người đã được ghi nhận là một trong những giá trị cốt lõi của loài người và là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá sự phát triển của một quốc gia, khu vực. Đồng thời, việc thúc đẩy và bảo đảm quyền con người vẫn là một ưu tiên quan trọng của các quốc gia trên thế giới với mức độ và hình thức khác nhau. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình thế giới luôn biến động không ngừng, vấn đề quyền con người ngày càng trở nên phức tạp và đa dạng hơn, đã đặt ra năm vấn đề lớn, đòi hỏi các quốc gia, dân tộc, tổ chức quốc tế, tổ chức xã hội và người dân cần quan tâm để tìm ra những phương hướng ứng xử phù hợp.

Một là, sự khác biệt trong nhận thức về chuẩn mực quyền con người còn tồn tại giữa các nước, nhóm nước, khu vực, kể cả trong người dân trong phạm vi quốc gia, chủ yếu do khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội, các vấn đề lịch sử, chính trị, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, do đó dẫn đến những quan điểm và thực tiễn, ưu tiên khác nhau về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người. Điều này đòi hỏi các nước hoàn thiện chính sách, pháp luật, giáo dục, phổ biến quyền con người trên cơ sở Tuyên ngôn thế giới về quyền con người và công ước quốc tế có liên quan, nâng cao năng lực của các cơ chế quốc gia, khu vực và quốc tế về quyền con người nhằm thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, thu hẹp khoảng cách, khác biệt giữa các quốc gia trong lĩnh vực quyền con người, đồng thời vẫn giữ được bản sắc dân tộc, chủ quyền quốc gia.

Hai là, các thách thức cấp bách toàn cầu, như biến đổi khí hậu, thiên tai, chiến tranh, xung đột, khủng bố, dịch bệnh, di dân, mua bán người, an ninh mạng, an ninh thực phẩm, an ninh sinh học,... làm gia tăng tình trạng bất bình đẳng, phân biệt chủng tộc, phân biệt giới tính, không công bằng, nhất là trong tiếp cận vắc-xin và thiết bị y tế, khoảng cách về công nghệ số đã và đang ảnh hưởng lớn đến việc thụ hưởng quyền con người của hàng triệu người dân trên thế giới cả về sinh mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự... Đại dịch Covid-19 không chỉ gia tăng những chia rẽ và bất bình đẳng, mà còn xóa đi nhiều thành tựu về phát triển bền vững của thế giới. Trong khi đó, các cơ chế quốc tế về quyền con người còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế trong việc phòng ngừa và xử lý tác động tiêu cực của các hiện tượng này đối với thụ hưởng quyền con người. Các

nỗ lực xóa đói, giảm nghèo, an sinh xã hội cùng nhiều chỉ số khác về phát triển con người đứng trước nguy cơ tụt hậu. Bên cạnh đó, nổi lên những thách thức mới, như bất bình đẳng trong tiếp cận internet; xâm hại quyền con người trên không gian mạng, nhất là đối với trẻ em và phụ nữ; vấn nạn trầm cảm, tự kỷ; di cư do biến đổi khí hậu... Những vấn đề này đòi hỏi cộng đồng thế giới cần tăng cường đoàn kết và hợp tác quốc tế để chung tay giải quyết, đáp ứng yêu cầu của tình hình.

Ba là, thách thức, nguy cơ tiềm ẩn về vi phạm quyền con người trong bối cảnh phát triển công nghệ tiên tiến, như công nghệ thông tin, kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo, sự thay đổi của các xu hướng và yêu cầu mới về quyền con người, mặc dù những phát triển công nghệ tiên tiến mang lại nhiều cơ hội và lợi ích cho con người. Các thách thức mới, như an ninh mạng, bảo mật dữ liệu cá nhân, bảo vệ phụ nữ và trẻ em trong không gian mạng, chống phát ngôn thù hận và thông tin giả... đòi hỏi các nước và tổ chức quốc tế có những chính sách và biện pháp để điều tiết, quản lý, cân bằng các lợi ích liên quan và bảo đảm quyền con người.

Bốn là, hoạt động chống phá, lợi dụng vấn đề quyền con người của các thế lực thù địch, phản động đã làm giảm uy tín, thành quả tiến bộ về quyền con người mà nhiều nước đang phát triển trong thời gian qua phải hết sức nỗ lực để đạt được, nhất là các quyền tự do ngôn luận, báo chí, internet, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, quyền của người dân tộc thiểu số... Lợi dụng sự thiếu hiểu biết, tâm lý ngại thay đổi của người dân, dịch bệnh Covid-19,... để kích động chống đối chủ trương, chính sách của các quốc gia đang phát triển, chỉ trích các chính phủ vi phạm quyền tự do của người dân... Những hoạt động này đã phản náo tác động tiêu cực đến nhận thức của cộng đồng quốc tế về nỗ lực bảo đảm quyền con người của các nước đang phát triển.

Năm là, nhận thức và năng lực thực thi thúc đẩy và bảo vệ quyền con người còn có hạn chế nhất định trong việc thực thi quy định của pháp luật, chính sách, chương trình kinh tế - xã hội và văn hóa, nhất là đối với các đối tượng dễ bị tổn thương, ở những địa phương, quốc gia, đòi hỏi tiếp tục được nâng cao, củng cố để bảo đảm thực hiện hiệu quả hơn.

Việt Nam tích cực tham gia và đề cao Tuyên ngôn thế giới về quyền con người

Đối với Việt Nam, Tuyên ngôn thế giới về quyền con người và việc kỷ niệm 75 năm Tuyên ngôn thế giới về quyền con người được thông qua, có ý nghĩa hết sức quan trọng. Việt Nam đề cao Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, chia sẻ quan điểm quyền con người mang tính phổ quát, là khát vọng và giá trị chung của toàn nhân loại; ủng hộ đối thoại, hợp tác giữa các nước và tại các cơ chế đa phương của Liên hợp quốc về quyền con người; đồng thời, nhấn mạnh việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người một cách toàn diện, tổng thể, phù hợp chuẩn mực quốc tế được thừa nhận chung, cũng như quy định pháp luật liên quan của mỗi nước. Là một thành viên tích cực và có trách nhiệm của Liên hợp quốc, ASEAN và cộng đồng quốc tế nói chung, Việt Nam luôn coi trọng và không ngừng đóng góp tích cực vào việc làm giàu những giá trị chung của nhân

loại về quyền con người và đã đạt nhiều thành tựu quan trọng, được quốc tế ghi nhận, đánh giá cao.

Ở cấp độ quốc gia, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn xác định con người là chủ thể, mục tiêu và động lực của sự nghiệp xây dựng đất nước; con người là trung tâm của các chính sách kinh tế - xã hội; việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người là bản chất, mục đích của chế độ xã hội chủ nghĩa và là nhân tố quan trọng cho sự phát triển bền vững, bảo đảm sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đi đến thắng lợi.

Một trong những thành tựu lớn nhất của Việt Nam là việc giành lại và bảo vệ độc lập dân tộc, thoát khỏi chế độ thuộc địa, thống nhất đất nước, từng bước phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và thực hiện các quyền con người của người dân Việt Nam. Hệ thống pháp luật về quyền con người, bao gồm Hiến pháp, các luật, văn bản quy phạm pháp luật dưới luật ngày càng hoàn thiện, cụ thể hóa và bảo đảm các quyền cơ bản của công dân theo tinh thần của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người và các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên. Hiến pháp Việt Nam năm 2013 đã dành riêng một chương với 36 điều quy định rõ về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Theo đó, Việt Nam đã bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành mới hơn 100 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bảo đảm quyền con người, quyền công dân, trong đó có một số đạo luật quan trọng, như Bộ luật Hình sự năm 2015, Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Trưng cầu ý dân năm 2015, Luật Trẻ em năm 2016, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, Luật An ninh mạng năm 2018, Bộ luật Lao động năm 2019...

Việt Nam đã đạt được những tiến bộ vượt bậc về xóa đói, giảm nghèo, phát triển con người và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Việt Nam đã hoàn thành trước hầu hết các Mục tiêu Phát triển thiên niên kỷ (MDG) và đang tích cực triển khai thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDG). Theo thống kê của Liên hợp quốc, chỉ số phát triển con người của Việt Nam đã tăng gần 46% trong 30 năm qua, nằm trong nhóm các nước có tốc độ tăng cao nhất thế giới. Tỷ lệ biết chữ trong độ tuổi từ 15 - 60 là 97,85% và tỷ lệ biết chữ độ trong độ tuổi từ 15 - 35 là 99,3%. Tuổi thọ trung bình của người dân Việt Nam đã đạt 73,6 năm (năm 2021). Trong 10 năm qua (2010 - 2020), tổng sản phẩm nội địa (GDP) tăng trưởng bình quân gần 6%; thu nhập bình quân đầu người tăng gấp hơn hai lần; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 14,2% xuống dưới 3%. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng nhanh từ 60,9% dân số lên 90,7%.

Việc bảo đảm các quyền con người của Việt Nam được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực theo các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên. Hiện nay, Việt Nam là thành viên của 7/9 điều ước quốc tế quan trọng về quyền con người. Việt Nam cũng là thành viên của 25 công ước của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) về quyền của người lao động, trong đó có 7/8 công ước cơ bản.

Việt Nam luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quốc tế về quyền con người, bao gồm bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế về quyền con người, báo cáo

quốc gia. Đồng thời, Việt Nam tích cực đối thoại và hợp tác với các cơ chế quốc tế của Liên hợp quốc về quyền con người, bao gồm cả việc tiến hành ba lần rà soát theo Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) vào các năm 2009, năm 2014, năm 2019 và chuẩn bị cho UPR lần thứ tư vào năm 2024. Đặc biệt, Việt Nam đã và đang tích cực tham gia các hoạt động hợp tác khu vực và quốc tế về thúc đẩy quyền con người, cũng như hoạt động của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc. Trong đó, Việt Nam đã đảm nhiệm thành công vai trò thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2014 - 2016, góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín của đất nước. Việt Nam tham gia tích cực các hoạt động của Hội đồng quyền con người, thúc đẩy các sáng kiến thể hiện dấu ấn, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, nhất là việc tham gia Nhóm Nòng cốt tại Hội đồng quyền con người về biến đổi khí hậu và quyền con người. Ngày 11/10/2022, trong cuộc bầu cử do Đại hội đồng Liên hợp quốc tổ chức tại thành phố New York (Mỹ), Việt Nam tiếp tục được các nước tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quyền con người Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2023 - 2025. Là ứng cử viên duy nhất của ASEAN cho nhiệm kỳ này, Việt Nam đã thúc đẩy thông điệp ứng cử “Tôn trọng và Hiểu biết. Đối thoại và Hợp tác. Tất cả các quyền con người cho tất cả mọi người” được các nước hưởng ứng, ủng hộ. Đáng chú ý, ngay trong Khóa họp đầu tiên đảm nhiệm cương vị thành viên Hội đồng quyền con người Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2023 - 2025, diễn ra ở Thủ đô Geneve (Thụy Sĩ) vào ngày 3-4-2023, Việt Nam đã thể hiện vai trò xây dựng và đóng góp tích cực khi chủ trì giới thiệu, tham vấn, đề xuất Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc thông qua Nghị quyết về kỷ niệm 75 năm Tuyên ngôn thế giới về quyền con người và 30 năm Tuyên bố và Chương trình hành động Viên về quyền con người (1993 - 2023) bằng hình thức đồng thuận, với hơn 102 quốc gia tham gia đồng bảo trợ.

Ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam đã có những đóng góp thiết thực nhằm tăng cường đoàn kết và hợp tác trong ASEAN về quyền con người, đặc biệt trong quá trình xây dựng Hiến chương ASEAN và Cộng đồng ASEAN, Tuyên ngôn quyền con người ASEAN, thành lập và hoạt động của các cơ chế ASEAN liên quan đến quyền con người, qua đó khẳng định các cam kết của ASEAN về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người trong khu vực phù hợp với các chuẩn mực quốc tế được thừa nhận chung, tạo khuôn khổ cho việc tăng cường hợp tác của ASEAN trong lĩnh vực này.

Bên cạnh những thành tựu to lớn đạt được, Việt Nam cũng đối mặt với không ít thách thức chung trong vấn đề quyền con người. Hệ thống pháp luật và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức về quyền con người chưa thực sự đáp ứng tốt trước nhu cầu của người dân. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế về nhận thức và kỹ năng thực thi quyền con người trong triển khai công tác. Một số nước và tổ chức quốc tế vẫn có những quan điểm khác biệt hoặc thiếu khách quan về vấn đề quyền con người Việt Nam. Các thế lực thù địch, phản động ngày càng gia tăng những hoạt động lợi dụng quyền con người để xuyên tạc sự thật, gây mất ổn định, trật tự xã hội.

Do đó, Việt Nam cần thích ứng và cập nhật với những xu hướng và yêu cầu mới về quyền con người trong thời đại toàn cầu hóa. Các vấn đề, như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, di dân, công nghệ số,... có nhiều tác động đến việc thụ hưởng quyền con người của người dân. Việt Nam cần có những chính sách và biện pháp để bảo vệ quyền con người của người dân trước những thách thức mới này, đồng thời tận dụng cơ hội mới để nâng cao quyền con người. Cùng với việc bảo đảm ngày càng tốt hơn các quyền con người của người dân, trong thời gian tới, Việt Nam cần tiếp tục nỗ lực để duy trì tham gia, đóng góp tích cực vào các hoạt động của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc trên cương vị thành viên của cơ quan liên chính phủ quan trọng nhất về quyền con người của Liên hợp quốc, cũng như hợp tác với các cơ chế quốc tế khác về quyền con người, qua đó góp phần xây dựng một thế giới hòa bình, ổn định, phát triển bền vững và tôn trọng quyền con người.

Nhìn chung, kể từ khi giành lại độc lập cách đây hơn 78 năm, Việt Nam luôn đề cao Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, tham gia hầu hết công ước quốc tế về quyền con người, cam kết và nỗ lực mạnh mẽ trong việc thúc đẩy, bảo vệ quyền con người ở cả cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế. Việt Nam được bạn bè quốc tế ghi nhận là thành viên năng động, tích cực trong cộng đồng quốc tế. Năm 2023, Việt Nam cùng với Malaysia - hai quốc gia ASEAN đảm nhiệm cương vị thành viên Hội đồng Nhân quyền, luôn nỗ lực hỗ trợ, thúc đẩy hợp tác trong nội bộ khối ASEAN và giữa khu vực ASEAN với Hội đồng Nhân quyền, cũng như thu hút sự ủng hộ và hợp tác của thế giới với ASEAN vì tiến bộ quyền con người của mọi người dân trên thế giới.
